TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG HÒA** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **ĐL - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HSST
Ngày 25 tháng 9 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HÒA, CAO BẰNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Quốc Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Phúc và bà Hoàng Thị Chiên.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Dương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Quảng Hòa.

Đ1 diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Biên – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/2023/HSST ngày 30/6/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2023/QĐXXST-HS ngày 12/9/2023 đối với các bị cáo:

1. Đinh Văn D (tên gọi khác: không); Sinh ngày: 21 tháng 01 năm 1979 tại CT, huyện QH, Cao Bằng.

Nơi ĐKNKTT và nơi cư trú: Tổ dân phố ĐT, thị trấn QU, Quảng Hòa, Cao Bằng.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12. Con ông: Đinh Thành H -sinh năm: 1952 và bà: Đoàn Thị N - sinh năm: 1952. Vợ: Hoàng Thị Th, sinh năm: 1978. Con: có 03 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2014. Anh, chị, em ruột: Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 03 anh em. Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quảng Hòa (bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/02/2023 cho đến nay). Có mặt tại phiên tòa.

2. Hà Xuân Đ (tên gọi khác: không); Sinh ngày: 08 tháng 4 năm 1981 tại ĐL, huyện QH, Cao Bằng.

Nơi ĐKNKTT và nơi cư trú: xóm Đ1, xã ĐL, huyện Quảng Hòa, Cao Bằng.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ học vấn: 12/12. Con ông: Hà Xuân Đ1 (đã chết) và bà Bế Nguyên V - sinh năm: 1947. Vợ: Nguyễn Thị Ch - sinh năm 1975.

Con: có 01 con, sinh năm 2012. Anh, chị, em ruột: Bị cáo là con út trong gia đình có 02 chị em.

Tiền án: Không.

Tiền sự: 01 tiền sự, ngày 22/8/2019 bị Toà án nhân dân huyện Quảng Uyên (nay là huyện Quảng Hoà) áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian 24 tháng. Đã chấp hành xong ngày 10/6/2021.

Nhân thân: Năm 2007 bị Công an huyện Quảng Uyên (nay là huyện Quảng Hoà), Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quảng Hòa (bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/02/2023 cho đến nay). Có mặt tại phiên tòa.

3. Nông Văn P (tên gọi khác: không); Sinh ngày: 04 tháng 3 năm 1992 tại TN, huyện HL, Cao Bằng.

Nơi ĐKNKTT và nơi cư trú: xóm N, xã TN, huyện HL, tỉnh Cao Bằng.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; con ông: Nông Văn Nh -sinh năm: 1965 và bà: Hoàng Thị N,sinh năm: 1962. Vợ, con: Chưa có. Anh, chị, em ruột: Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 04 anh em.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Năm 2011, bị Công an huyện Hạ Lang, Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản, bằng hình thức phạt tiền.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quảng Hòa (bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/02/2023 cho đến nay). Có mặt tại phiên tòa.

4. Bế Văn L (tên gọi khác: không); Sinh ngày: 09 tháng 5 năm 1977 tại thị trấn TN, huyện HL, Cao Bằng.

Nơi ĐKNKTT và nơi cư trú: xóm NK, thị trấn TN, huyện HL, Cao Bằng.

Quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: không; nghề nghiệp: không nghề; trình độ học vấn: 10/12; con ông: Bế Văn T - sinh năm: 1940 và bà: Nông Thị L (đã chết). Vợ, con: Chưa có. Anh, chị, em ruột: Bị cáo là con thứ tư trong gia đình có 05 anh chị em.

Tiền án: 01 tiền án, năm 2014 bị Toà án nhân dân huyện Hạ Lang xử phạt 07 năm 03 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma tuý, chấp hành xong án phạt tù ngày 05/3/2020.

Tiền sự: 01 tiền sự, ngày 05/11/2020 bị Toà án nhân dân huyện Hạ Lang áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian 24 tháng. Đã chấp hành xong ngày 23/6/2021.

Nhân thân: Năm 1996 bị Công an huyện Hạ Lang, Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý gây thương tích; năm 2002 Công an thị xã Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi huỷ hoại tài sản xã hội chủ nghĩa; ngày 26/11/2003, Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma tuý; năm 2010 bị UBND tỉnh Cao Bằng đưa vào cơ sở giáo dục, thời hạn là 24 tháng.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quảng Hòa (bị bắt tạm giam từ ngày 08/3/2023 cho đến nay). Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn P* là bà Nguyễn Thị Thảo – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Anh Nông Hồng D1, sinh năm 1996. Địa chỉ: Xóm NK, xã TN, huyện Hạ Lang, Cao Bằng. Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt.

+ Chị Hoàng Thị Th, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ dân phố ĐT, thị trấn QU, huyện Quảng Hòa, Cao Bằng. Có mặt tại phiên tòa.

+ Bà Bế Nguyên V, sinh năm 1947. Địa chỉ: xóm Đ1, xã ĐL, Quảng Hòa, Cao Bằng. Có mặt tại phiên tòa.

- *Những người làm chứng*:

1. Nông Văn Đ2, sinh năm 1986, trú tại: xóm NP, xã ĐL, Quảng Hòa, Cao Bằng. Vắng mặt không có lý do.

2. Hoàng Văn Ng, sinh năm 1983, trú tại: xóm PC, thị trấn QU, Quảng Hòa, Cao Bằng. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 10 giờ 40 phút, ngày 15/02/2023, Tổ công tác Công an huyện Quảng Hòa, Cao Bằng phối hợp với Công an xã ĐL, Quảng Hòa thực hiện tuần tra, kiểm soát tại xóm Đ1, ĐL, Quảng Hòa, Cao Bằng phát hiện Hà Xuân Đ vừa dừng xe trước cửa nhà của Đ có biểu hiện nghi vấn. Tổ công tác tiến hành kiểm tra người và phương tiện đối với Đ thì Đ lấy từ trong túi áo khoác đằng trước bên trái đang mặc 01 gói giấy trắng bên trong có chất bột màu trắng tự nguyện giao nộp và khai nhận chất bột màu trắng là ma túy, loại Heroine vừa mua với Đinh Văn D tại khu vực sân bóng thị trấn Quảng Uyên. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng và các đồ vật, phương tiện, tài liệu có liên quan, gồm: 01 (một) gói chất bột màu trắng được gói bằng giấy trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xám, gắn sim số 0373.404.181 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, BKS: 11U1 – 0932 xe cũ đã qua sử dụng.

Căn cứ lời khai của Hà Xuân Đ, Cơ quan Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Hòa đã tiến hành khám xét khẩn cấp người, nơi ở đối với Đinh Văn D tại Tổ dân phố ĐT, thị trấn QU, Quảng Hòa, Cao Bằng phát hiện và tạm giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, mặt sau màu xanh xám, gắn sim số 0983.762.136 và số 0857.782.699; Số tiền 4.310.000 đồng và 02 mảnh giấy bạc màu vàng; 01 mảnh giấy bạc màu trắng đã bị đốt cháy một mặt; 02 túi Zíp bên trong đều có chất bột màu trắng.

Ngày 15/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Hòa tiến hành mở niêm phong, cân xác định khối lượng vật chứng, xác định: Chất bột màu trắng có trong gói giấy trắng thu giữ của Hà Xuân Đ có khối lượng là 0,167 gam; chất bột màu trắng có trong 02 túi Zíp thu giữ của Đinh Văn D có tổng khối lượng là 5,115 gam. Sau khi cân, đã tiến hành niêm phong trong 02 (hai) phong bì thư và gửi giám định tại phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng.

Tại kết luận giám định số 103/KL-KTHS ngày 22/02/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Cao Bằng kết luận: Hai mẫu chất bột màu trắng bên trong 02 (hai) phong bì niêm phong gửi giám định đều là ma túy, loại Heroine.

Quá trình điều tra xác định được: Sáng ngày 15/02/2023, Bế Văn L, sinh năm 1977, trú tại: xóm NK, thị trấn TN, huyện HL, Cao Bằng và Nông Văn P, sinh năm 1992, trú tại: Xóm NK, xã TN, huyện HL, Cao Bằng khi đang ngồi uống nước tại thị trấn TN thì P hỏi L "Dạo anh còn chơi không", L trả lời "Anh vẫn chơi", P nói "Thế anh lấy được chỗ nào không", L trả lời "Để anh gọi mới biết được". Sau đó, L lấy điện thoại của P gọi cho Hà Xuân Đ và nói "Có lấy được không nếu được anh ra rồi lấy giúp anh với", Đ trả lời "Có, anh ra đi". Sau đó L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, BKS: 98E1 – 418.13 của P, chở P đến nhà của Đ. Cùng khoảng thời gian đó, Nông Văn Đ2, sinh năm 1986, trú tại: xóm NP, xã ĐL, Quảng Hòa cũng gọi điện thoại cho Đ để nhờ mua ma túy, Đ2 nói "Anh có đi lấy được không, lấy cho em với", Đ trả lời "Tí nữa mấy ông HL ra thì đi một thể" rồi tắt máy. Một lúc sau, P và L đến nhà của Đ. Tại đây L và P cùng góp tiền được 700.000 đồng (P góp 500.000 đồng, L góp 200.000 đồng), rồi P đưa tiền cho Đ. Đ nhận tiền rồi gọi điện thoại cho Đ2 nói "Đi chưa", Đ2 trả lời "Đợi em 10 phút", rồi Đ2 điều khiển xe mô tô đến dốc Keng Mò (thuộc xóm Pác Cam, thị trấn Quảng Uyên) đợi. Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô BKS: 11U1 – 0932 để đi tìm mua ma túy, khi đến dốc Keng Mò gặp Đ2 đang dừng xe ở cạnh đường thì Đ1 đưa cho Đ 200.000 đồng và nói "Em chờ ở đường vào khu ATK". Đ nhận tiền rồi dùng điện thoại của mình gọi cho Đinh Văn D, sinh năm 1979, trú tại: Tổ dân phố ĐT, thị trấn QU, Quảng Hòa, Cao Bằng hỏi D có ma túy bán không và nói "Lấy cho một con 900.000 đồng". Khi đến khu vực ngã Ba xóm Pác Cam, Đ tiếp tục gọi điện cho D nói "Em đến rồi, gặp anh ở đâu", D trả lời "Vào sân bóng đi", nghe vậy Đ điều khiển xe vào khu vực gần sân bóng thì gặp D ở đó. Đ đưa cho D số tiền 900.000 đồng, D nhận tiền và đưa cho Đ 01 (một) gói ma túy được gói bằng giấy trắng. Mua được ma túy, Đ điều khiển xe đi vào đoạn đường khu ATK để gặp Đ2 và cùng Đ2

đi vào khu vực vắng cạnh đường ở gần đó. Tại đây, Đ lấy gói ma túy vừa mua được ra tách một phần tương đương với số tiền 200.000 đồng vào một tờ giấy và tiếp tục tách chỗ ma tuý đó cho Đ2 một phần, phần còn lại Đ giữ lại cho bản thân, số ma tuý còn lại Đ cất vào túi áo khoác đằng trước đang mặc. Sau đó, hai người khác tự mình sử dụng phần ma tuý của mình bằng hình thức chích. Sử dụng xong ma túy, Đ điều khiển xe mô tô đi về, khi đến trước cửa nhà thì bị lực lượng Công an bắt quả tang.

Căn cứ khối lượng ma túy thu được của Đ và xác định đây là phần còn lại của gói ma túy Đ mua với Đinh Văn D với giá 900.000 đồng và Đ đã tách cho Đ2 một phần tương đương 200.000 đồng nên phần gói ma túy còn lại mà Đ mua về cho P và L có khối lượng 0,167 gam, tương đương với số tiền 700.000 đồng của P và L đã góp. Do đó, P phải chịu trách nhiệm về hành vi tàng trữ 0,119 gam ma tuý, tương ứng số tiền 500.000 đồng; L phải chịu trách nhiệm về hành vi tàng trữ 0,048 gam ma tuý, tương ứng số tiền 200.000 đồng.

Đối với Đinh Văn D khai nhận: Ngày 12/02/2023, D gọi điện thoại hỏi và mua 02 (hai) gói ma tuý với giá 8.100.000 với một người tên T, người ở Trùng Khánh, Cao Bằng (D không biết họ tên, địa chỉ cụ thể), địa điểm giao dịch tại dốc Kênh Phác thuộc thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa để sử dụng cho bản thân và bán lại kiếm lời. Đến chiều cùng ngày, D đã bán cho Hoàng Văn Ng, sinh năm 1983, trú tại: xóm PC, thị trấn QU, Quảng Hòa, Cao Bằng 01 gói ma tuý với giá 500.000 đồng và ngày 15/02/2023, bán cho Hà Xuân Đ 01 gói ma tuý với giá 900.000 đồng. Số ma tuý còn lại D chưa kịp sử dụng và bán thì bị thu giữ khi khám xét khẩn cấp.

Ngoài hai lần bán ma tuý trên, đầu năm 2023 D cũng đã được bán ma tuý cho Hoàng Văn Ng 01 lần, 01 gói ma tuý với giá 500.000 đồng; bán cho Hà Xuân Đ 02 lần, mỗi lần 01 gói ma tuý với giá 500.000 đồng. Những lần D bán trái phép chất ma tuý đều bằng hình thức liên hệ qua điện thoại và giao dịch trực tiếp tại khu vực quảng trường thị trấn Quảng Uyên.

Đồ vật, tài liệu, phương tiện thu giữ, tạm giữ; xử lý vật chứng:

- 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi "Số: 103/KL-KTHS Hoàn mẫu sau giám định vụ Hà Văn Đ và Đinh Văn D, ngày 15/02/2023". Bên trong có mẫu còn lại sau giám định: Mẫu 01 có khối lượng 0,1272 gam, mẫu 02 có khối lượng 5,0712 gam chất bột màu trắng và vỏ bao gói.

- 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi "Giấy gói và vỏ niêm phong ban đầu khi bắt quả tang Hà Xuân Đ".

- 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi "Vỏ niêm phong ban đầu khi khám xét Đinh Văn D".

- 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi "02 (hai) mảnh giấy bạc màu vàng của Đinh Văn D".

- 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi "mảnh giấy bạc của Đinh Văn D".

- Số tiền 4.310.000 đồng (Bốn triệu ba trăm mười nghìn đồng) tạm giữ của Đinh Văn D.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh xám màn hình cảm ứng, điện thoại có số IMEI 1: 860672068140859, số IMEI 2: 860672068140842. Điện thoại gắn sim số 0983.762.136 và số 0857.782.699 của Đinh Văn D.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xám màn hình cảm ứng, điện thoại có số IMEI 1: 863373052395255, số IMEI 2: 863373052395248, điện thoại gắn sim số 0373.404.181 của Hà Xuân Đ.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng màn hình cảm ứng, điện thoại có số IMEI 1: 865613055971513, số IMEI 2: 865613055971505. Điện thoại gắn sim số thuê bao: 0825.148.661 của Nông Văn P.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, BKS: 11U1- 0932 xe cũ đã qua sử dụng, tạm giữ của Hà Xuân Đ.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, BKS: 98E1- 418.13 xe đã qua sử dụng, tạm giữ của Nông Văn P.

Tại bản Cáo trạng số 27/CT-VKSQH ngày 29/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa đã truy tố các bị cáo:

Bị cáo Đinh Văn D về tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Hà Xuân Đ về tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Nông Văn P về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Bế Văn L về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm a khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Đối với Nông Văn Đ2 người nhờ Đ mua hộ 200.000 đồng ma tuý, Đ2 đã sử dụng hết không xác định được khối lượng nên không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự.

Đối với người đàn ông tên T bán ma túy cho Đinh Văn D, quá trình điều tra không xác định được họ tên, địa chỉ nên không đủ căn cứ để mở rộng điều tra.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Đinh Văn D, Hà Xuân Đ, Nông Văn P, Bế Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bế Nguyên V đề nghị được xin lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, BKS: 11U1- 0932 xe cũ đã qua sử dụng, tạm giữ của Hà Xuân Đ. Đây là chiếc xe của ông Hà Xuân Đ1 (bố của Hà Xuân Đ – đã chết) để lại cho bà Bế Nguyên V quản lý, sử dụng, khi Đ lấy xe đi bà V không biết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nông Hồng D1, vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị được xin lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, BKS: 98E1- 418.13 xe đã qua sử dụng, tạm giữ của Nông Văn P. Đây là xe của Nông Hồng D1 (em trai của P), sau khi nghỉ tết Nguyên đán D1 để xe ở nhà để làm phương tiện đi lại, khi P sử dụng xe đi mua ma túy không hỏi ý kiến, D1 không biết và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng màn hình cảm ứng D1 đưa cho P sử dụng.

Người làm chứng Nông Văn Đ2, Hoàng Văn Ng vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra thừa nhận được mua ma túy như Đinh Văn D và Hà Xuân Đ đã khai nhận.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Đinh Văn D, Hà Xuân Đ, Nông Văn P, Bế Văn L theo như Cáo trạng số 27/CT-VKSQH ngày 29/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự: tuyên bố các bị cáo:

+ Bị cáo Đinh Văn D phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đinh Văn D từ 08 năm đến 09 năm tù.

+ Bị cáo Hà Xuân Đ phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hà Xuân Đ từ 08 năm đến 09 năm tù.

+ Bị cáo Nông Văn P phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn P từ 12 tháng đến 21 tháng tù.

+ Bị cáo Bế Văn L về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm a khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bế Văn L từ 12 tháng đến 21 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận:

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Nông Văn P: Nhất trí về tội danh và điều luật mà Kiểm sát viên đã nêu trong Bản luận tội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Phong hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51

Bộ luật hình sự và mức thấp nhất khung hình phạt vì hành vi phạm tội của bị cáo ở mức khung khởi điểm, bị cáo là người dân tốc thiểu số, thành khẩn khai báo; không áp đụng hình phạt bổ sung. Về vật chứng là chiếc xe mô tô và 01 điện thoại thu giữ là của em trai là Nông Hồng D1 đề nghị được trả lại cho em trai theo như đơn của Nông Hồng D1. Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Các bị cáo Đinh Văn D, Hà Xuân Đ, Nông Văn P, Bế Văn L không có ý kiến tranh luận, nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát.

Khi được nói lời sau cùng:

- Bị cáo Đinh Văn D: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình có bố mẹ già, con còn nhỏ để giảm nhẹ hình phạt.

- Các bị cáo Hà Xuân Đ, Nông Văn P, Bế Văn L: Các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật. Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản hỏi cung, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở được thẩm tra, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận:

Đối với bị cáo Đinh Văn D: Từ đầu năm 2023 đến ngày 15/02/2023 đã có hành vi bán trái phép chất ma tuý cho Hoàng Văn Ng hai lần, mỗi lần bán một gói với giá 500.000 đồng; bán cho Hà Xuân Đ ba lần, mỗi lần một gói, trong đó: Hai gói, mỗi gói có giá 500.000 đồng, một gói có giá 900.000 đồng. Tổng 05 lần bán ma tuý có giá trị 2.900.000 đồng. Ngoài ra, D còn phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khối lượng ma tuý 5,115 gam thu giữ khi khám xét người, chỗ ở của D và 0,167 gam ma tuý thu giữ được từ Hà Xuân Đ do D bán cho Đ. Do đó hành vi của

bị cáo Đinh Văn D phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" theo điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với bị cáo Nông Văn P: P gửi Đ số tiền 500.000 đồng nhờ đi mua ma tuý hộ, tương đương khối lượng 0,119 gam, việc P nhờ Đ mua giúp mà túy về sử dụng cho bản thân, ngoài ra không có mục đích nào khác nên phải chịu trách nhiệm về hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý tương đương với khối lượng nhờ mua. Do đó hành vi của bị cáo Nông Văn P phạm vào tội "Tàng trái phép chất ma tuý" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với bị cáo Bế Văn L: Số tiền L gửi Đ mua ma tuý hộ là 200.000 đồng, tương đương khối lượng 0,048 gam dưới mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng L đã có một tiền án về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" chưa được xoá án tích mà lại tiếp tục vi phạm, việc L nhờ Đ mua ma túy về sử dụng cho bản thân, ngoài ra không có mục đích nào khác nên hành vi của L cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Cáo trạng số 27/CT-VKSQH ngày 29/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa truy tố hành vi của các bị cáo Đinh Văn D, Nông Văn P và Bế Văn L là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với bị cáo Hà Xuân Đ: Trong ngày 15/02/2023 đã có hành vi đi mua hộ ma tuý cho 03 (ba) người gồm Bế Văn L 200.000 đồng, Nông Văn P 500.000 đồng và Nông Văn Đ2 200.000 đồng. Sau khi mua được ma tuý, Đ đã trích ra một phần tương đương 200.000 đồng cho Đ2 và hưởng một phần ma tuý từ Đ2 cho bản thân sử dụng coi đó là công đi mua giúp. Khối lượng ma tuý còn lại là 0,167 gam, Đ cất giữ để cho Bế Văn L và Nông Văn P. Tại phiên tòa Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm theo Cáo trạng truy tố Hà Xuân Đ về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự là chưa chính xác, đúng người nhưng chưa đúng tội. Trong vụ án này, hành vi của Hà Xuân Đ theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Sáng ngày 15/02/2023 Bế Văn L và Nông Văn P có nói chuyện với nhau về việc còn sử dụng ma túy không, P có hỏi L "*có chỗ nào lấy được không*" thì L có liên lạc hỏi Hà Xuân Đ "*có lấy được không nếu được anh ra rồi lấy giúp anh*". Khi P và L đến nhà Đ, P và L có góp tiền (P góp 500.000 đồng, L góp 200.000 đồng) nhờ Đ mua giúp ma túy, Đ nhận tiền đi mua ma túy giúp L và P. Trước đó, có Nông Văn Đ2 người cùng xã cũng điện thoại nhờ Đ mua ma túy giúp. Sau khi nhận tiền của P và L, trên đường đi Đ nhận thêm tiền của Đ2 là 200.000 đồng để mua ma túy giúp Đ2. Đ đi đến thị trấn Quảng Uyên, Quảng Hòa mua với Đinh Văn D số tiền 900.000 đồng và được Diện cho 01 gói ma túy. Mua được ma túy, Đ quay về gặp Đ1 và Đ lấy gói ma túy vừa mua được ra tách một phần tương đương với số tiền 200.000 đồng vào một tờ giấy và tiếp tục tách chỗ ma tuý vừa tách cho Đ2 một phần, phần còn lại Đ giữ lại cho bản thân, số ma tuý còn lại Đ cất vào túi áo khoác đằng trước đang mặc. Sau khi sử dụng ma túy xong Đ đi về nhà, khi đến trước cửa nhà thì bị

bắt giữ. Số ma túy bị bắt giữ được xác định phần còn lại của gói ma túy mà Đ mua với Đinh Văn D với giá 900.000 đồng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Đ khai nhận Long, P và Đ2 đều là những người nghiện ma túy, việc nhờ Đ đi mua ma túy về chỉ nhằm mục đích để sử dụng. Vì Đ cũng là người nghiện ma túy nên đồng ý đi mua ma túy giúp L, P và Đ2, việc mua giúp cũng chỉ nhằm được cùng sử dụng. Đối với L, Ph và Đ2 là những người nhờ Đ đi mua giúp ma túy, quá trình điều tra và tại phiên tòa cũng thừa nhận được góp tiền nhờ Đ đi mua ma túy về để sử dụng cho bản thân, ngoài ra không có mục đích nào khác. Do đều là những người nghiện ma túy với nhau tuy không thống nhất trước nhưng mua ma túy về sẽ cho Đ sử dụng cùng.

Xét thấy hành vi của Hà Xuân Đ đi mua giúp ma túy cho Bế Văn L, Nông Văn P và Nông Văn Đ2 với mục đích cùng được sử dụng. Sau khi mua được ma túy, trước mặt Đ2, Đ đã tự ý chia và giữ lại một phần để Đ sử dụng, mặc dù Đ2 nhìn thấy nhưng không có phản ứng gì. Phần còn lại Đ mang về cho L và P để nhằm mục đích được cùng sử dụng. Xét giữa các đối tượng không có trao đổi thỏa thuận trước về việc trả công nhưng là những người nghiện ma túy đều thừa nhận sẽ cho sử dụng cùng và mục đích nhờ mua ma túy là về để sử dụng cho bản thân.

Theo Giải đáp về những khó khăn, vướng mắc tại Hội nghị tập huấn công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao năm 2020 – câu 18 phần các tội phạm:

"18. Trường hợp một người có hành vi mua ma túy hộ người khác để lấy tiền công thì bị xử lý về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" hay tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"?

Trả lời: - Trường hợp chứng minh được người mua ma túy hộ người khác nhận thức rõ việc mua hộ là để cho người khác bán lại thì người mua hộ đồng phạm với người nhờ mua hộ về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo Điều 251 BLHS.

- Trường hợp chứng minh rõ người mua ma túy hộ chỉ để hưởng tiền công thì họ bị xử lý về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" nếu định lượng ma túy đủ để xử lý theo quy định tại Điều 249 BLHS".

Do đó hành vi của Hà Xuân Đ phạm vào tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy* theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự và chịu trách nhiệm với khối lượng ma túy còn lại là 0,167 gam mới đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét tính chất, vai trò, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất gây nghiện, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội và còn là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm

khác. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tác hại của ma túy nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, do đó cần phải xử phạt nghiêm minh nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm nói chung.

- Về nhân thân:

+ Đối với bị cáo Đinh Văn D, chưa có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo có nhân thân xấu là người nghiện ma túy.

+ Đối với bị cáo Hà Xuân Đ: tiền án không; 01 tiền sự, ngày 22/8/2019 bị Toà án nhân dân huyện Quảng Uyên (nay là huyện Quảng Hoà) áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian 24 tháng. Đã chấp hành xong ngày 10/6/2021. Nhân thân: Năm 2007 bị Công an huyện Quảng Uyên (nay là huyện Quảng Hoà), Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý. Mặc dù có 01 tiền sự và nhân thân xấu là người nghiện ma túy bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

+ Đối với bị cáo Nông Văn P: tiền án, tiền sự: Không có. Nhân thân: Năm 2011, bị Công an huyện Hạ Lang, Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản, bằng hình thức phạt tiền. Bị cáo có nhân thân xấu là người nghiện ma túy.

+ Đối với bị cáo Bế Văn L: tiền án: 01 tiền án, năm 2014 bị Toà án nhân dân huyện Hạ Lang xử phạt 07 năm 03 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma tuý, chấp hành xong án phạt tù ngày 05/3/2020. Tiền sự: 01 tiền sự, ngày 05/11/2020 bị Toà án nhân dân huyện Hạ Lang áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian 24 tháng. Đã chấp hành xong ngày 23/6/2021. Nhân thân: Năm 1996 bị Công an huyện Hạ Lang, Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý gây thương tích; năm 2002 Công an thị xã Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi huỷ hoại tài sản xã hội chủ nghĩa; ngày 26/11/2003, Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma tuý; năm 2010 bị UBND tỉnh Cao Bằng đưa vào cơ sở giáo dục, thời hạn là 24 tháng. Bị cáo đã có 01 tiền án, chưa được xóa án tích và nhân thân xấu.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ "người phạm tội thành khẩn khai báo" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Đinh Văn D có bố là Đinh Thành H được Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân chiến sĩ vẻ vang, Huy chương kháng chiến… và Hà Xuân Đ có mẹ là Bế Nguyên V được tặng Huy chương kháng chiến chống Mỹ, bố là Hà Xuân Đ1 thương binh. Do đó bị cáo D và Đ được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội; nhân thân, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Xét thấy, cần phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Tại phiên tòa Kiểm sát viên luận tội và đề nghị áp dụng các điều luật đối với các bị cáo Đinh Văn D, Nông Văn P và Bế Văn L là đúng quy định pháp luật, đúng người, đúng tội và xử lý vật chứng, án phí là có căn cứ. Đối với bị cáo Hà Xuân Đ truy tố là đúng người nhưng chưa đúng tội. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2, Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử bị cáo Hà Xuân Đ về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự mới đúng người, đúng tội như đã nhận định ở trên.

[5] Phần tranh luận: Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Xử tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi "Số: 103/KL-KTHS Hoàn mẫu sau giám định vụ Hà Văn Đ và Đinh Văn D, ngày 15/02/2023". Bên trong có mẫu còn lại sau giám định: Mẫu 01 có khối lượng 0,1272 gam, mẫu 02 có khối lượng 5,0712 gam chất bột màu trắng và vỏ bao gói.

+ 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi "Giấy gói và vỏ niêm phong ban đầu khi bắt quả tang Hà Xuân Đ".

+ 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi "Vỏ niêm phong ban đầu khi khám xét Đinh Văn D".

+ 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi "02 (hai) mảnh giấy bạc màu vàng của Đinh Văn D".

+ 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi "mảnh giấy bạc của Đinh Văn D".

Đây là những vật nhà nước cấm lưu hành và không có giá trị sử dụng.

- Đối với số tiền 4.310.000 đồng tạm giữ của Đinh Văn D. Trong đó có số tiền 900.000 đồng là D bán ma túy cho Hà Xuân Đ mà có nên cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước. Đối với số tiền còn lại là 3.410.000 đồng là của vợ bị cáo là chị Hoàng Thị Th đưa cho bị cáo đi mua thuốc nhưng D chưa đi mua nên cần trả lại cho chị Th.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh xám, loại màn hình cảm ứng, điện thoại có số IMEI1: 860672068140859; số IMEI2: 860672068140842. Điện thoại gắn sim số thuê bao 0983.762.136 và số thuê bao

0857.782.699 của Đinh Văn D, điện thoại đã qua sử dụng. Đây là điện thoại của D dùng vào liên lạc mua bán ma túy nên cần tịch thu phát mại nộp vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xám màn hình cảm ứng, điện thoại có số IMEI 1: 863373052395255, số IMEI 2: 863373052395248, điện thoại gắn sim số 0373.404.181 của Hà Xuân Đ. Đây là điện thoại Đ sử dụng liên lạc vòa việc mua bán trái phép chất ma túy, do đó cần tịch thu phát mại nộp vào Ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng màn hình cảm ứng, điện thoại có số IMEI 1: 865613055971513, số IMEI 2: 865613055971505. Điện thoại gắn sim số thuê bao: 0825.148.661 của Nông Văn P. Đây là điện thoại của Nông Hồng D2 cho P sử dụng, việc P cho L sử dụng vào việc liên lạc mua ma túy D2 không được biết và D2 có đơn xin lại nên cần trả lại cho Nông Hồng D2.

- Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, BKS: 11U1-0932, xe có số khung 205032, số máy 1772501, xe cũ đã qua sử dụng, tạm giữ của Hà Xuân Đ. Đây là chiếc xe của ông Hà Xuân Đ1 (đã chết) là bố của Hà Xuân Đ để lại cho bà Bế Nguyên V (mẹ Đ) và là tiền của ông Đ1, bà V mua, đăng ký xe mang tên ông Đ1. Khi Đ sử dụng xe đi mua ma túy bà V không ở nhà nên không biết Đ sử dụng vào việc phạm tội nên cần được trả lại cho bà Bế Nguyên V.

- Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, BKS: 98E1-418.13 xe có số khung RLHHC1259FY098089, số máy HC12E7098158, xe đã qua sử dụng, tạm giữ của Nông Văn P. Đây là xe của Nông Hồng D2 (em trai của P), sau khi nghỉ tết Nguyên đán D2 xe ở nhà để làm phương tiện đi lại, khi P sử dụng xe đi mua ma túy không hỏi ý kiến, D2 không biết. Do vậy, cần trả lại chiếc xe trên cho Nông Hồng D2.

- Truy thu số tiền 2.000.000 đồng, đây là số tiền mà D bán ma túy cho Đ và Ng trước đó để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đinh Văn D phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy. Các bị cáo Hà Xuân Đ, Nông Văn P, Bế Văn L phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo **Đinh Văn D** 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 15/02/2023.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2, Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự. Xử phạt bị cáo **Hà Xuân Đ** 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 15/02/2023.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo **Nông Văn P** 13 (mười ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 15/02/2023.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo **Bế Văn L** 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 08/3/2023.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

- Xử tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi "Số: 103/KL-KTHS Hoàn mẫu sau giám định vụ Hà Văn Đ và Đinh Văn D, ngày 15/02/2023". Bên trong có mẫu còn lại sau giám định: Mẫu 01 có khối lượng 0,1272 gam, mẫu 02 có khối lượng 5,0712 gam chất bột màu trắng và vỏ bao gói.

+ 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi "Giấy gói và vỏ niêm phong ban đầu khi bắt quả tang Hà Xuân Đ".

+ 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi "Vỏ niêm phong ban đầu khi khám xét Đinh Văn D".

+ 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi "02 (hai) mảnh giấy bạc màu vàng của Đinh Văn D".

+ 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi "mảnh giấy bạc của Đinh Văn D".

Đây là những vật nhà nước cấm lưu hành và không có giá trị sử dụng.

- Tịch thu nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng).

- Trả lại số tiền là 3.410.000 đồng (ba triệu bốn trăm mười nghìn đồng) cho chị Hoàng Thị Th, trú tại: Tổ dân phố ĐT, thị trấn QU, huyện QH, Cao Bằng.

- Tịch thu phát mại nộp vào Ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh xám, loại màn hình cảm ứng, điện thoại có số IMEI1: 860672068140859; số IMEI2: 860672068140842. Điện thoại gắn sim số

thuê bao 0983.762.136 và số thuê bao 0857.782.699 của Đinh Văn D, điện thoại đã qua sử dụng.

- Tịch thu phát mại nộp vào Ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xám màn hình cảm ứng, điện thoại có số IMEI 1: 863373052395255, số IMEI 2: 863373052395248, điện thoại gắn sim số 0373.404.181 của Hà Xuân Đ.

- Trả lại cho bà Bế Nguyên V, sinh năm 1947. Địa chỉ: Xóm Đ1, xã ĐL, huyện Quảng Hòa, Cao Bằng 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, BKS: 11U1- 0932 xe có số khung 205032, số máy 1772501, xe cũ đã qua sử dụng, tạm giữ của Hà Xuân Đ.

- Trả lại cho anh Nông Hồng D2, sinh năm 1966. Địa chỉ: Xóm NK, xã TN, huyện Hạ Lang, Cao Bằng 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, BKS: 98E1- 418.13, xe có số khung RLHHC1259FY098089, số máy HC12E7098158, xe đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng màn hình cảm ứng, điện thoại có số IMEI 1: 865613055971513, số IMEI 2: 865613055971505. Điện thoại gắn sim số thuê bao: 0825.148.661 tạm giữ của Nông Văn P.

- Truy thu số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), đây là số tiền mà D bán ma túy cho Đ và Ng trước đó để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

(*Toàn bộ số vật chứng trên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Hòa đã chuyển sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa tại Biên bản giao nhận vật chứng, lập hồi 15 giờ 00 phút, ngày 04 tháng 7 năm 2023*).

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 21, Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Đinh Văn D, Hà Xuân Đ, Bế Văn L phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ điểm đ Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Nông Văn P do là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và có đơn xin miễn án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị Th, Bế Nguyên V có mặt có quyền kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày

tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nông Hồng D2 vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được tống đạt Bản án hoặc niêm yết Bản án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Quảng Hòa;
- Công an huyện Quảng Hòa;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Cao Bằng;
- Chi Cục THADS huyện Quảng Hòa;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Hoàng Quốc Khánh